TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/DS-ST
Ngày: 30-6-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ẩn

2. Ông Nguyễn Văn Cao

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trương Văn Bình Em - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lê Hà Thảo Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 270/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông A, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp 7, xã Nh, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt).

Bị đơn: Ông B, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp 8, xã Nh, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt, không rõ lý do).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà C, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp 8, xã Nh, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt, không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN*:*

Tại Đơn khởi kiện ngày 16/11/2022, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông A trình bày:

Ông và vợ chồng ông B, bà C(sau đây gọi là vợ chồng ông B) có mối quan hệ hàng xóm, quen biết nhau từ trước. Tại địa phương, ông được biết vợ chồng ông B sinh sống từ nguồn thu nhập chính là trồng cây thanh long và nhận thầu xây dựng. Quá trình làm ăn, đôi khi cần vốn xoay sở thì có hỏi để vay tiền của ông và đều đã hoàn trả đầy đủ. Đến năm 2020, vợ chồng ông B có nhiều lần vay tiền của ông tổng cộng là 330.000.000đồng nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán được. Nội dung cụ thể như sau: Vay lần 01 số tiền 50.000.000đồng; vay lần 02 số tiền 110.000.000đồng; vay lần 03 số tiền 70.000.000đồng và vay lần 04 số tiền 100.000.000đồng. Trong các lần vay đều có làm "Giấy vay tiền" lần lượt theo các ngày 17/8/2020, 24/8/2020, 10/10/2020 và ngày 24/12/2020. Trong các giấy vay tiền thì đều có chữ ký, chữ viết mang tên "Lê Hồng Phong" là do ông B tự viết và ký ra, mục đích vay tiền là để vợ chồng ông làm vốn kinh doanh, lãi suất 5% và trong thời hạn là 01 tháng.

Về quá trình thực hiện hợp đồng: Từng lần vay, vợ chồng ông B đều không hoàn trả được tiền gốc. Riêng tiền lãi, mặc dù hợp đồng thỏa thuận lãi suất 5% nhưng vợ chồng ông B cũng không thanh toán được đầy đủ và đúng hạn, thanh toán thành nhiều lần và khoản lãi mỗi lần trả đều không đáng kể so với lãi suất thỏa thuận nên ông cũng không theo dõi bằng sổ sách và cũng không nhớ rõ số tiền cụ thể là bao nhiêu. Tuy nhiên, vì có quan hệ vay mượn từ trước, ông cũng biết vợ chồng ông B gặp khó khăn do trồng thanh long bị thua lỗ, đang bị nhiều người đòi tiền nên ông cũng thông cảm. Cho nên, dù lần vay trước đã đến hạn, ông không được nhận tiền gốc và tiền lãi như cam kết nhưng ông vẫn cho vay tiếp để tạo điều kiện cho vợ chồng ông B khôi phục kinh tế. Mặt khác, vợ chồng ông B có tài sản và cũng có hứa khi nào ổn định sẽ trả đầy đủ tiền gốc và thanh toán luôn lãi cho ông nên ông tin tưởng. Từ tháng 01 năm 2021, vợ chồng ông B né tránh và ngưng thanh toán lãi hoàn toàn cho ông, nên ông đã nộp đơn khởi kiện. Sau đó, ông B chủ động gặp ông để đề nghị thương lượng, ông đồng ý nên đã rút đơn nhưng nhận thấy ông B không có thiện chí và cũng không có khả năng trả được nên ông nộp lại đơn khởi kiện. Nhận thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, nên nguyên đơn khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi hợp pháp bị xâm phạm.

Về yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu vợ chồng ông B có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông A số tiền nợ vay tổng cộng là 330.000.000đồng, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Ngoài ra, trong vụ án này không còn liên quan đến cá nhân hay tổ chức nào khác nên nguyên đơn chỉ khởi kiện ông B, bà C; không yêu cầu đưa người nào khác vào tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu chứng cứ đầy đủ, không còn tài liệu chứng cứ nào khác chưa giao nộp và cũng không đề nghị Tòa án thu thập thêm.

Bị đơn Ông B và Bà C: Ông B và bà C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp ý kiến cũng như tài liệu chứng cứ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm: Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B, bà C vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án nên Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa,

Ông B và bà C vắng mặt không rõ lý do, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai ông A trình bày ông B và bà C nhiều lần vay tiền của ông A cụ thể: Ngày 17/8/2020, vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 5%; ngày 24/8/2020, vay số tiền 110.000.000 đồng, lãi suất 5%; ngày 10/10/2020, vay số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 5%; ngày 24/12/2020, vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 5%. Tất cả các lần vay đều có thời hạn 01 tháng. Mục đích vay để trồng thanh long và làm thầu xây dựng, trong 04 lần vay đều có lập "Giấy vay tiền" có thể hiện các thông tin: Người vay là Ông B và người cho vay là Ông A, ngày vay, số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay và có cam kết về thời hạn trả tiền vốn và lãi. Mỗi lần vay, ông B đều ký tên và ghi rõ họ tên Lê Hồng Phong tại mục "Người vay tiền". Tuy trong giấy vay tiền chỉ thể hiện tên người vay là ông B, người trực tiếp nhận tiền là ông B nhưng bà C cũng có mặt và biết việc vay tiền, do quen biết nên ông A không yêu cầu bà C ký tên vào giấy vay tiền, ông A xác định đây là nợ chung của vợ chồng nên ông yêu cầu bà C có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc đã vay còn nợ là 330.000.000 đồng. Quá trình vay, ông B, bà Ccó trả lãi nhưng đến tháng 01/2021 thì ngưng thanh toán lãi hoàn toàn. Bị đơn Ông B, người có quyền, nghĩa vụ liên quan Bà C: Vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tống đạt các văn bản, tài liệu, chứng cứ của vụ án nhưng không thực hiện được nên tiến hành lập biên bản niêm yết công khai tại nơi cư trú của ông B và bà C, tại Ấp 8, xã Nh, huyện B, tỉnh Long An theo đúng quy định. Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở xác định: Giữa ông A và ông B có thực hiện các khoản vay tiền với tổng số tiền gốc của 04 lần vay là 330.000.000 đồng, khi vay tiền có lập giấy vay tiền, thể

hiện sự thỏa thuận của hai bên, có chữ ký xác nhận của bên vay. Nguyên đơn đã thực hiện theo thỏa thuận, giao tiền cho ông B vay nhưng khi đến hạn thanh toán ông B không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, không trả số tiền đã vay là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa hai bên. Bà C là vợ hợp pháp của ông B, số tiền còn nợ ông A là nợ chung của vợ chồng nên bà C được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và có trách nhiệm liên đới cùng ông B trả số tiền còn nợ cho ông A là 330.000.000 đồng. Nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ là 04 "Giấy vay tiền" các ngày 17/8/2020, 24/8/2020, 10/10/2020 và ngày 24/12/2020, do bị đơn ký và ghi họ tên. Căn cứ Điều 91, 93, 94, 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về nghĩa vụ chứng minh, chứng cứ, nguồn chứng cứ, xác định chứng cứ thì nguyên đơn đã hoàn thành nghĩa vụ chứng minh của mình. Về lãi suất, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tống đạt, niêm yết hợp lệ tại địa chỉ đăng ký thường trú theo quy định nhưng vắng mặt không đến tham gia tố tụng và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ phản đối lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên xem như từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 351, Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể, ông B và bà C có trách nhiệm liên đới trả cho ông A số tiền gốc đã vay là 330.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông A khởi kiện yêu cầu ông B và bà C có nghĩa vụ liên đới thanh toán toàn bộ tiền nợ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng: Ông A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự được xác định là nguyên đơn; Ông B là người bị đơn và Bà C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên toà: Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng ông B và bà C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, đồng thời vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Tòa án đã tiến hành gửi cho đương sự vắng mặt bản sao Đơn khởi kiện cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tống đạt các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc Tòa án đã thu thập được tài liệu chứng cứ, Thông báo kết quả phiên họp

kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và Thông báo thực hiện quyền đưa ra yêu cầu phản tố cho ông B và yêu cầu độc lập cho bà C để các đương sự biết và thực hiện. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được bất kỳ tài liệu chứng cứ, ý kiến hay yêu cầu gì của ông B và bà C trong vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Đồng thời, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1.1] Về nội dung hợp đồng vay tài sản: Qua xem xét các Giấy vay tiền đề các ngày 17/8/2020, 24/8/2020, 10/10/2020, 24/12/2020 do ông A cung cấp, việc xác lập quan hệ vay tài sản giữa các bên là tự nguyện, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật, tại mục "Người vay tiền" có chữ ký, chữ viết ghi tên "Lê Hồng Phong" nên hợp đồng là hợp pháp. Từ đó, làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án hoặc văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn đưa ra. Căn cứ giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp đã thể hiện bị đơn có nhận số tiền vay như nguyên đơn trình bày, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng. Do đó, xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn theo quy định tại các Điều 463, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.1.2] Về quá trình thực hiện hợp đồng: Ông B đã ký và nhận tiền vay từ ông A nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay đã thỏa thuận, gây thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của ông A. Ông B vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, được xem đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với yêu cầu mà nguyên đơn khởi kiện. Do đó, có đủ cơ sở để xác định ông B còn nợ ông A số tiền là 330.000.000 đồng theo bốn Giấy vay tiền đề các ngày 17/8/2020, 24/8/2020, 10/10/2020 và ngày 24/12/2020.

[2.1.3] Về nghĩa vụ liên đới: Tại Công văn số 94/UBND-TP ngày 13/02/2023 của Ủy ban nhân dân xã Nh, huyện B, tỉnh Long An xác định Ông B có đăng ký kết hôn ngày 11/8/2003 với vợ là Bà C. Nguyên đơn xác định, nghĩa vụ thanh toán tiền vay của ông B phát sinh trong thời kỳ tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp với bà C, tiền vay được sử dụng để phục vụ mục đích duy trì và phát triển kinh tế gia đình. Bà C vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với yêu cầu mà nguyên đơn khởi kiện. Do đó, có đủ cơ sở để xác định bà C có nghĩa vụ liên đới cùng ông B hoàn trả khoản nợ trên cho nguyên đơn.

[2.2] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có trình bày mặc dù các bên có thỏa thuận lãi suất 5%/tháng nhưng thực tế không thực hiện đúng theo thỏa thuận. Về phía nguyên đơn, nguyên đơn cho rằng có nhận tiền lãi nhưng không đầy đủ và thấp hơn rất nhiều so với thỏa thuận nên không nhớ rõ, đồng thời cũng không yêu cầu về lãi suất. Về phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vắng mặt và cũng không có ý kiến gì về lãi suất đã trả cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những phân tích tại các mục [2.1] và [2.2], xét thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông B và bà C có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ vay tổng cộng là 330.000.000đồng và quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định tại các Điều 351, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên hoàn toàn có căn cứ được chấp nhận.

[2.3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc Ông B và Bà C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm; Ông A không phải chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 351, 463, 466, 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông A về việc yêu cầu bị đơn Ông B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà C có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ông A số tiền tổng cộng là 330.000.000đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng).

2. Buộc Ông B và Bà C có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ông A số tiền tổng cộng là 330.000.000đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng).

3. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông B và Bà C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 16.500.000đồng (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Ông A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.250.000đồng (tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012358 ngày 22/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

5. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CC.THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Thái Thị Thanh Thúy

TÒA ÁN NHÂN DÂN NAM
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Năm

Bà Nguyễn Thị Thu Tâm

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 172/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long

Địa chỉ: số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Tân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Ngọc Minh, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Thanh Xuân, chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long – chi nhánh Long An.

Văn bản ủy quyền số 10/UQ-CNLA ngày 06/9/2022.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Thiệt, sinh năm 1970

Địa chỉ: 175 khu C khu phố Rạch Đào, thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205, 207; Các Điều 227, 147, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long.

Buộc ông Lê Văn Thiệt có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long số tiền vay gốc là 3.945.444 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/01/2023 là 3.386.182 đồng, tổng cộng là 7.331.626 đồng (theo Hợp đồng tín dụng số 108/17/HĐTD/1900-5923 ngày 03/3/2017).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: ông Lê Văn Thiệt phải chịu 366.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán.

Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Toà án số 0002729 ngày 03/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Án xét xử sơ thẩm công khai vắng mặt tất cả các đương sự. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử sơ thẩm sau khi nghị án thống nhất biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc lúc giờ phút, ngày 30 tháng 01 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Văn Năm – Nguyễn Thị Thu Tâm	**Ngô Thị Thùy Diễm**